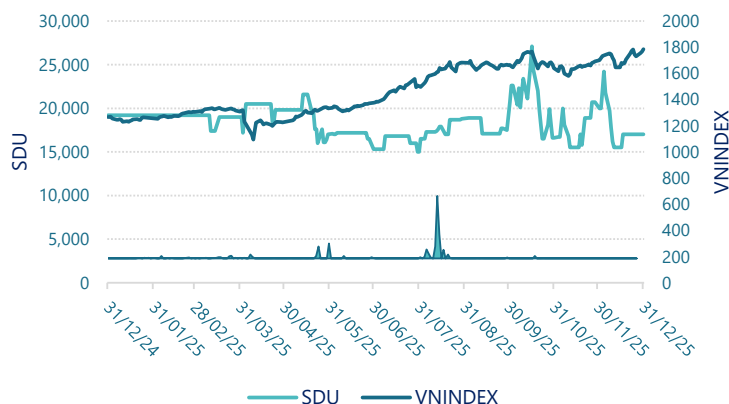


CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà (HNX: SDU)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	100
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	340
P/E	15.5
EPS	1,095

DT thuần

Q4/25

296

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 282 | 2001%

YoY: ▲ 262 | 771%

LN sau thuế

Q4/25

-26.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 27.3 | -5464%

YoY: ▼ 27.4 | -4724%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.7%

+/- YoY: ▼ 16.4%

DT thuần

2025

445

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 362 | 437%

LN sau thuế

2025

21.9

tỷ VNĐ

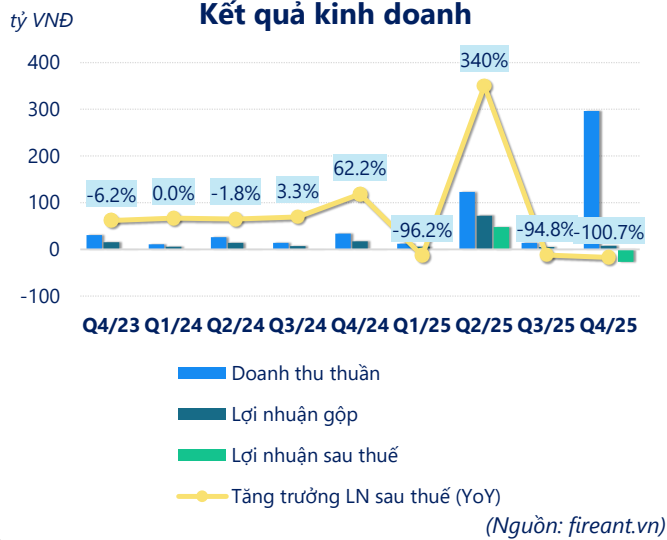
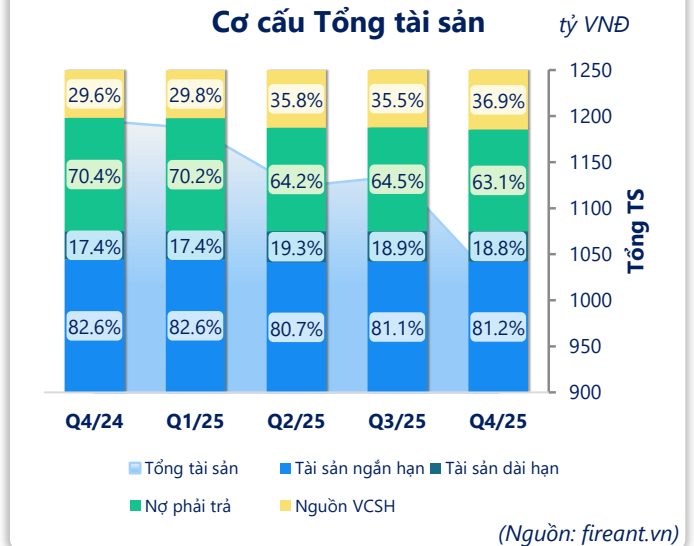
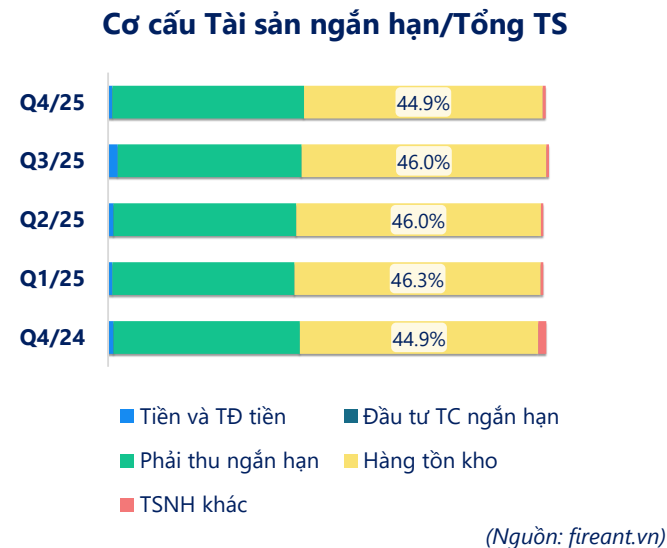
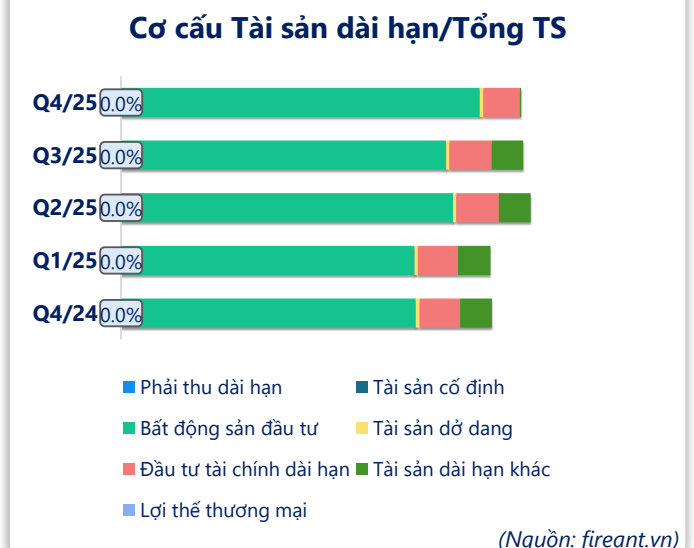
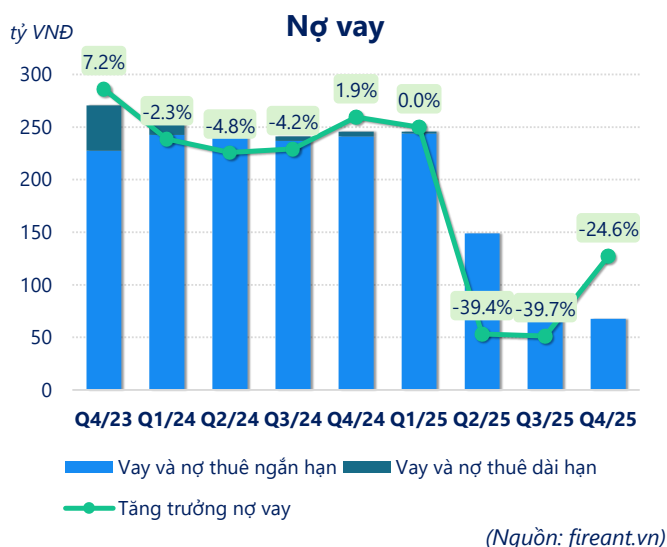
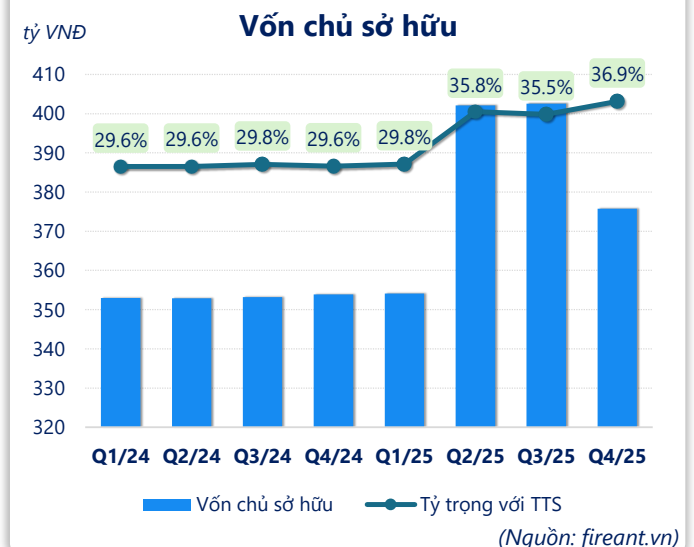
YoY: ▲ 20.6 | 1639%

ROE

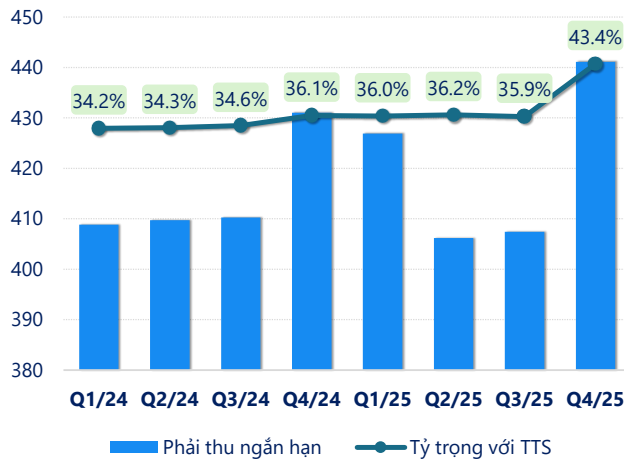
2025

6.0%

+/- YoY: ▲ 5.6%

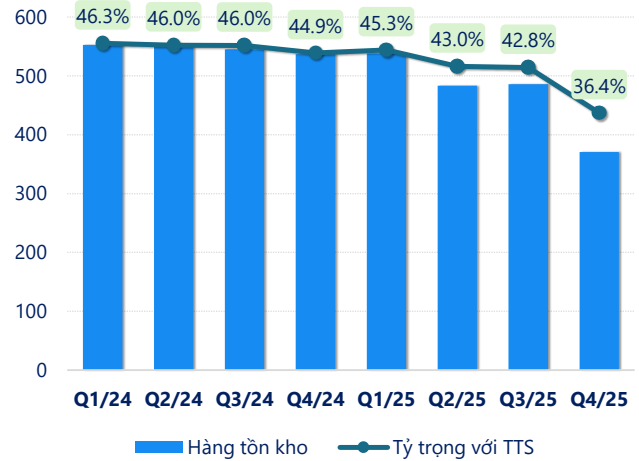


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


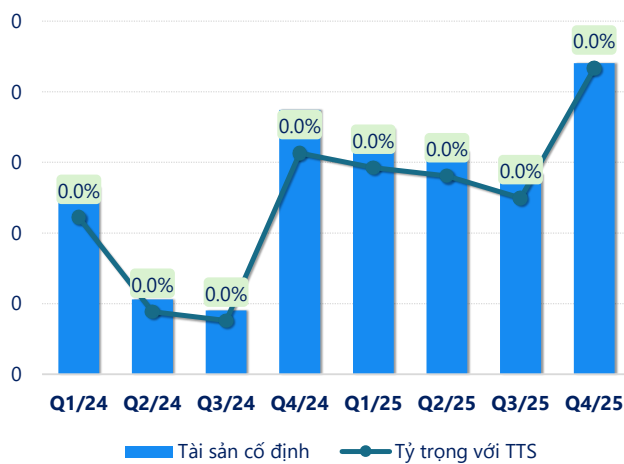
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


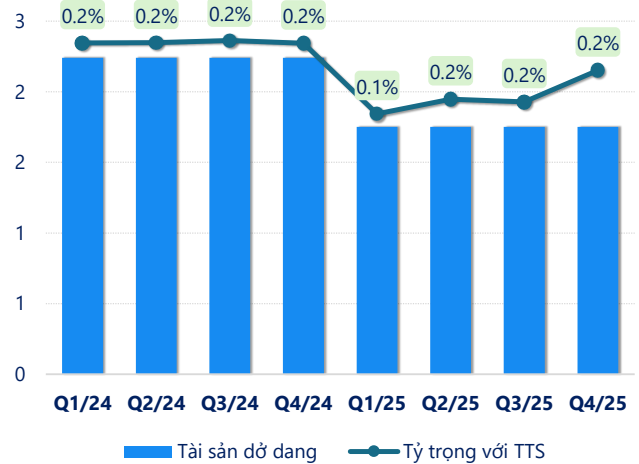
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

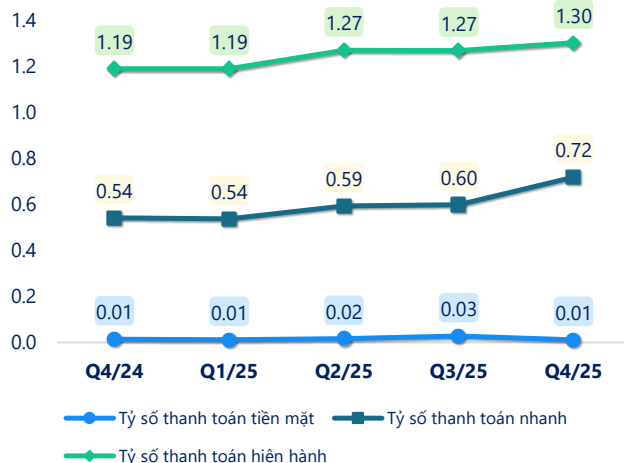
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

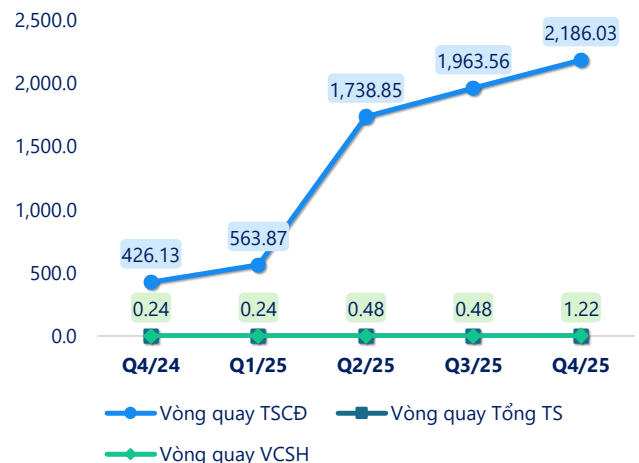
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,195	1,187	1,124	1,135	1,017
Tài sản ngắn hạn	987	981	907	920	826
Tiền và tương đương tiền	12.2	9.86	11.6	20.4	7.62
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.41	0.46	0.41	0.41	0.42
Phải thu ngắn hạn	431	427	406	407	441
Hàng tồn kho	537	538	483	486	370
Tài sản ngắn hạn khác	6.30	5.49	5.52	5.84	6.18
Tài sản dài hạn	209	206	216	215	191
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	0.19	0.17	0.16	0.14	0.22
Bất động sản đầu tư	165	164	175	173	171
Tài sản dở dang	2.24	1.75	1.75	1.75	1.75
Đầu tư tài chính dài hạn	22.6	22.6	22.5	22.6	17.4
Tài sản dài hạn khác	18.0	18.0	16.9	16.8	0.56
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	841	833	721	732	641
Nợ ngắn hạn	829	824	714	725	634
Vay và nợ thuê ngắn hạn	241	244	149	89.7	67.7
Phải trả người bán ngắn hạn	19.5	19.0	17.4	19.6	8.31
Nợ dài hạn	12.3	9.13	7.44	7.44	7.67
Vay và nợ thuê dài hạn	4.46	1.80	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	354	354	402	403	376
Vốn chủ sở hữu	354	354	402	403	376
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)